

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AHP HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AHP HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AHP HA NOI CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109644845

3. Ngày thành lập: 25/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4, ngõ 32 đường Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0328621186

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
2.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
3.	Trồng cây ăn quả	0121
4.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
5.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
6.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
7.	Chăn nuôi gia cầm	0146
8.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
9.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
10.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
11.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
12.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
13.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
14.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
15.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
16.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
17.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
18.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

21.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
22.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
23.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
24.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
25.	Xây dựng nhà để ở	4101
26.	Xây dựng nhà không để ở	4102
27.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
28.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
29.	Xây dựng công trình điện	4221
30.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
31.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
32.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
33.	Xây dựng công trình thủy	4291
34.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
35.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
37.	Phá dỡ	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
44.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
45.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
46.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.	4632
47.	Bán buôn đồ uống	4633
48.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Kinh doanh dược; - Mua bán trang thiết bị y tế.	4649
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
53.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (loại trừ bán buôn vàng)	4662
54.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim.	4663
55.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
57.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh. - Bán lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.	4722
58.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772

60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
61.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
62.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ.	4784
63.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
64.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4931
65.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan)	5210

68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay.	5229
69.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
70.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
71.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
72.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn về pháp luật về bất động sản, tư vấn về tài chính bất động sản); - Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản.	6820
73.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Giám sát thi công xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Thi công xây dựng công trình; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy.	7110(Chính)
74.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
75.	Quảng cáo	7310
76.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
77.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410

78.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển.	7730
79.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÌNH TRỌNG BẰNG	Số 44, ngách 72/1 đường Nguyễn Trãi, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	019082000032	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		

2	PHÙNG QUỐC HÙNG	Số 8, ngõ 32 đường Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	C4886178
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000	
3	PHÙNG THẾ CHUYÊN	Số 4, ngõ 32 đường Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	001083021908
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000	
4	PHÙNG CHÍ TUỆ	Số 4, ngõ 81/2/19 đường Lạc Long Quân, tổ 15, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	012313598
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **PHÙNG THẾ CHUYỀN** Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*
 Sinh ngày: *24/07/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001083021908*
 Ngày cấp: *25/01/2019* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*
 Địa chỉ thường trú: *Số 4, ngõ 32 đường Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Địa chỉ liên lạc: *Số 4, ngõ 32 đường Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội